

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/DS-ST

Ngày: 28-9-2017

V/v: “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán trong hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thanh

2. Bà Lê Thị Thu Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2017/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Trụ sở: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Trịnh Ngọc K, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N).

- Ông Lê Tấn H1; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19-6-2014).

- Ông Lê Tấn H1 ủy quyền lại cho ông Phạm Xuân T1; chức vụ: Phụ trách điều hành Ngân hàng N chi nhánh Quảng Ngãi - Phòng giao dịch T2 (theo văn bản ủy quyền số 109/NHNo-TPQN ngày 03-8-2017).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Quang H, sinh năm 1973; bà Vương Thị Diễm T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ 02, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-5-2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Ngày 30-5-2007 Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Ngãi và ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T ký kết hợp đồng tín dụng số 7050/NCH/HĐTD. Theo đó, Ngân hàng cho ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T vay số tiền 220.000.000đồng, mục đích vay là kinh doanh vận tải, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tiền vay là 1%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, lãi suất nợ quá hạn là 1,5%/tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 21, diện tích 125m², tại Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 943812, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H 00320, do Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Đỗ Quang H ngày 26-12-2005. Việc thế chấp đã được các bên lập thành hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vào ngày 29-5-2007 và hợp đồng thế chấp này đã được Ủy ban nhân dân Phường L chứng thực vào ngày 12-6-2007, đồng thời, quyền sử dụng đất thế chấp cũng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 12-6-2007 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện hợp đồng, ngày 12-6-2007 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T nhận đủ số tiền vay là 220.000.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay, ông H, bà T thường xuyên vi phạm hợp đồng, sau đó ông H, bà T thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết, Ngân hàng đã yêu cầu Tòa án Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông H, bà T nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì. Đến nay ông H, bà T không còn khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-9-2017) thì ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 603.506.667đồng, trong đó: Nợ gốc là 220.000.000đồng; Nợ lãi trong hạn là 258.986.667đồng; Nợ lãi quá hạn là 124.520.000đồng.

Do đó, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nói trên. Trường hợp ông H, bà T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử tài sản bảo đảm của ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T để thu hồi nợ.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn (thông qua thủ tục niêm yết công khai).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là 603.506.667đồng, trong đó: Nợ gốc là: 220.000.000đồng; Nợ lãi trong hạn là: 258.986.667đồng; Nợ lãi quá hạn là: 124.520.000đồng. Trường hợp ông H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông H, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Khi giao dịch vay tiền với Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Ngãi thì ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T có địa chỉ nơi cư trú tại Tổ 02, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình trả nợ vay cho Ngân hàng thì ông H, bà T thường xuyên vi phạm, sau đó ông H, bà T thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng N biết theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự. Theo yêu cầu của Ngân hàng N, ngày 23-8-2016 Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi quyết định ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì. Do đó, Ngân hàng N khởi kiện vụ án “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng” tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi và Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (thông qua việc niêm yết công khai) cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không có mặt và cũng không có văn bản yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

Do bị đơn không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ thanh toán:

[2.1] Theo trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng tại Tòa án và theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 30-5-2007 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Ngãi và ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T có ký kết hợp đồng tín dụng số 7050/NCH/HĐTD, theo đó Ngân hàng cho ông H, bà T vay số tiền 220.000.000đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay là kinh doanh vận tải.

[2.2] Ngày 12-6-2007 Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Ngãi đã giải ngân cho ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nói trên (thể hiện trong phiếu chi ngày 12-6-2007 tại bút lục 53A).

[2.4] Trong quá trình trả nợ vay, ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-9-2017) thì ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là 603.506.667đồng, trong đó: Nợ gốc là 220.000.000đồng; Nợ lãi trong hạn là 258.986.667đồng; Nợ lãi quá hạn là 124.520.000đồng.

Do đó, Ngân hàng N yêu cầu ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải trả cho Ngân hàng số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với tài sản thế chấp:

[3.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ngày 29-5-2007 Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Ngãi và ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29507/NCH. Theo đó, ông H, bà T đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 21, diện tích 125m², tại Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 943812, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H 00320, do Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Đỗ Quang H ngày 26-12-2005. Việc thế chấp đã được Ủy ban nhân dân Phường L chứng thực ngày 12-6-2007, đồng thời tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12-6-2007 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Điều 6 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29507/NCH ngày 29-5-2007, các bên đã thỏa thuận về các trường hợp bên A (Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Ngãi) được xử lý tài sản thế chấp, trong đó có trường hợp đến hạn trả nợ mà bên B (ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11-8-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thì hiện nay tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 21, diện tích 125m², tại Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên như tại thời điểm thế chấp về hiện trạng, diện tích và giới cận.

Do đó, nếu ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 7050/NCH/HĐTD ngày 30-5-2007 thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo những nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp số 29507/NCH ngày 29-5-2007 để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn Ngân hàng N đã nộp tạm ứng chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 1.500.000đồng và đã chi phí xong nên buộc bị đơn ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải trả lại cho Ngân hàng N số tiền 1.500.000đồng.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải chịu 28.140.266đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40, các điều 147, 157, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 214, 219, 223, 471, 474, 342, 343, 344, 351, 355 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 113 Luật đất đai năm 2003; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-9-2017) là 603.506.667đồng (sáu trăm lẻ ba triệu năm trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó:

- Nợ gốc là: 220.000.000đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng);

- Nợ lãi trong hạn là: 258.986.667đồng (hai trăm năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

- Nợ lãi quá hạn là: 124.520.000đồng (một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Trường hợp ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp số 29507/NCH ngày 29-5-2007) để thu hồi nợ.

4. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn Ngân hàng N đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên buộc bị đơn ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải trả lại cho Ngân hàng N số tiền 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Về án phí:

Ông Đỗ Quang H, bà Vương Thị Diễm T phải chịu 28.140.266đồng (hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 13.803.200đồng (mười ba triệu tám trăm lẻ ba nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004749 ngày 08-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong